DỊCH TỰA ĐỀ CÁC TÁC PHẨM VĂN HỌC NHẬT BẢN SANG TIẾNG VIỆT THEO MÔ HÌNH DỊCH THUẬT NEWMARK

NGUYỄN THỊ NHƯ Ý*

Abstract: This study employs Newmark's (1988) model of translation to analyze a dataset of 214 Japanese literary titles and their 223 corresponding Vietnamese translations. The analysis reveals a dominant tendency toward fidelity to the original text, evidenced by the overwhelming prevalence (72,65%) of source - language oriented methods, including *Semantic Translation, Faithful Translation, Literal Translation*, and *Word - for - word Translation*. Furthermore, the significant presence of *Communicative Translation* (18,39%) reflects a dual purposes: preserving the values of the source text while optimizing communicative effectiveness in the target language. Despite accounting for a small percentage, *Free Translation* (6,28%) and *Adaptation* (2,24%) are still considered effective options for titles with philosophical depth or those containing culture - specific items.

Keywords: *Newmark, Japanese literature, titles, translation methods*

1. Đặt vấn đề

Tựa đề là một yếu tố quan trọng, là "cánh cửa" thu hút sự chú ý của độc giả và khơi gợi trí tò mò về nội dung tác phẩm. Do đó, dịch tựa đề đòi hỏi sự cân nhắc tinh tế giữa việc trung thành với ý nghĩa của nguyên tác và việc tạo ra sức hấp dẫn, hiệu quả giao tiếp với độc giả trong bối cảnh văn hoá đích.

Trong bối cảnh văn đàn Việt Nam đương đại, văn học Nhật Bản đã sớm có sự hiện diện sâu rộng và tầm ảnh hưởng ngày càng lớn. Sự gia tăng vượt bậc về số lượng tác phẩm dịch thuật và các công trình nghiên cứu đã được ghi nhận qua nhiều khảo sát tổng quan của Nhật Chiêu (2000), Đoàn Lê Giang & cộng sự (2013), Vũ Thị Mỹ Hạnh (2019), Ngô Minh Thủy & cộng sự (2022), Nguyễn Nam Trân (2011), Nguyễn Thị Thanh Xuân (2008). Quá trình này đặt ra nhiều vấn đề nghiên cứu cho dịch thuật. Dẫu vậy, các nghiên cứu hiện có chỉ dừng lại ở phân tích định tính trên một vài trường hợp đơn lẻ như phân tích đánh giá chất lượng dịch trong bản dịch tác phẩm *Nỗi lòng* của Natsume Soseki (2014); phân tích về cách dịch các yếu tố dị văn hoá dựa trên ví dụ từ bản dịch tác phẩm *Xứ tuyết* của Kawabata Yasunari (2013). Điều này để lại một khoảng trống học thuật đáng kể, đòi hỏi có các khảo sát định lượng mang tính hệ thống dựa trên một khung lí thuyết cụ thể về phương pháp và thủ pháp dịch văn học. Đặc biệt, tựa đề mặc dù giữ vai trò quan trọng việc thúc đẩy nền văn học dịch thuật Nhật Bản nhưng chưa được quan tâm nghiên cứu tương xứng.

Nhằm giải quyết khoảng trống này, bài viết tập trung phân tích các phương pháp dịch thuật được dịch giả sử dụng khi dịch tựa đề tác phẩm văn học Nhật Bản sang tiếng Việt theo khung lí thuyết của Newmark (1988). Về mặt học thuật, bài viết hi vọng sẽ là một trong những nghiên cứu đầu tiêu áp dụng mô hình lí thuyết kinh điển của Newmark để tiến hành khảo sát có quy mô và mang tính định lượng về phương pháp dịch tựa đề Nhật - Việt. Kết quả nghiên cứu còn giúp kiểm chứng tính ứng dụng của lí thuyết dịch thuật Newmark trong cặp ngôn ngữ vốn cùng thuộc không gian văn hoá chữ Hán như tiếng Việt và tiếng Nhật. Về mặt thực tiễn, bài viết cung cấp cơ sở dữ liệu thực chứng, giúp các dịch giả, biên tập và nhà xuất bản có thêm căn cứ để đưa ra các quyết định chiến lược trong quá trình chuyển ngữ tựa đề các tác phẩm văn học. Đồng thời, đây cũng là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho công tác giảng dạy và đào tạo biên - phiên dịch tại Việt Nam.

* Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng; Email: ngthnhuy@gmail.com

2. Tình hình dịch thuật và nghiên cứu dịch thuật văn học Nhật Bản tại Việt Nam

Dịch thuật văn học Nhật Bản tại Việt Nam là một quá trình phản ánh những biến chuyển trong mối quan hệ văn hoá - xã hội giữa hai quốc gia. Giai đoạn đầu, từ những năm 1960, các tác phẩm kinh điển của Nhật Bản bắt đầu được giới thiệu tại miền Nam Việt Nam, đánh dấu bước đầu tiên trong việc tiếp nhận văn học Nhật Bản tại Việt Nam. Nhiều tác phẩm văn học lớn của Nhật Bản đã được dịch như *Xứ tuyết* (Chu Việt dịch: 1969); *Rập rờn cánh hạc* (Nguyễn Tường Minh dịch: 1974), *Cô vũ nữ xứ Izu* (Huyền Không dịch: 1969), … (Vũ Thị Mỹ Hạnh, 2019, tr.31). Tuy nhiên, phải đến sau chính sách Đổi mới năm 1986, hoạt động này mới thực sự bùng nổ, mở ra một thời kì giao lưu văn hoá sâu rộng. Giai đoạn này không chỉ chứng kiến sự giới thiệu có hệ thống các tác phẩm kinh điển của Murasaki Shikibu, Tanizaki Junichiro hay Oe Kenzaburo. Đồng thời, không thể không nhắc đến sự trỗi dậy của các tác giả đương đại như Murakami Haruki, Yoshimoto Banana, … với hàng loạt tác phẩm được dịch sang tiếng Việt của Vũ Thị Mỹ Hạnh (2019:32), Ngô Minh Thủy và cộng sự (2022:14). Đồng thời, phạm vi dịch thuật cũng được mở rộng sang nhiều thể loại đa dạng, từ tiểu thuyết đến thơ ca cổ điển, phác hoạ nên một bức tranh toàn cảnh hơn về nền văn học Nhật Bản cho độc giả Việt Nam (Vũ Thị Mỹ Hạnh, 2019:33).

Nhờ sự phát triển vượt bậc đó của dịch thuật văn học Nhật Bản, bài viết đã thu thập và khảo sát một ngữ liệu tương đối lớn gồm 214 tựa đề tác phẩm văn học Nhật Bản và 223 tựa đề bản dịch tiếng Việt được dịch trực tiếp từ tiếng Nhật tương ứng đã được xuất bản tại Việt Nam.

Bảng 1. Phân loại tựa đề tác phẩm văn học Nhật Bản đã được dịch tiếng Việt

TT	Thể loại	Số tựa đề nguyên tác	Số tựa đề dịch
1	Thơ ca	4	4
2	Tiểu thuyết	97	103
3	Truyện ngắn	96	99
4	Khác (tùy bút, kịch, nhật kí, …)	17	17
	Tổng cộng	**214**	**223**

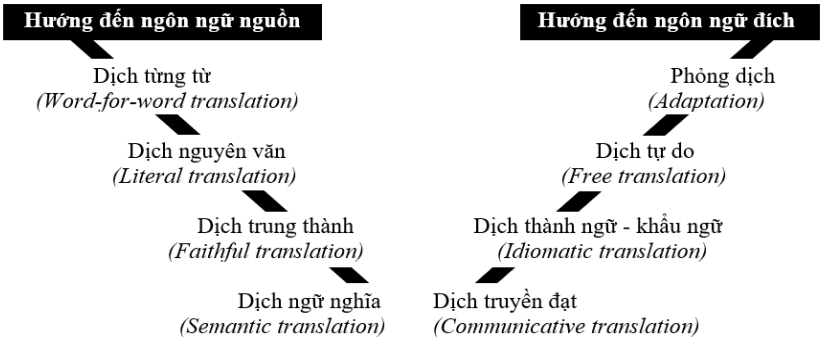
Sự chênh lệch giữa số lượng tựa đề nguyên tác (214) và tựa đề dịch (223) phản ánh một thực tế trong lĩnh vực xuất bản: một tác phẩm có thể có nhiều phiên bản dịch khác nhau của nhiều dịch giả, được xuất bản bởi các nhà xuất bản khác nhau ở những thời điểm khác nhau. Việc đưa các biến thể dịch này vào ngữ liệu cho phép bài viết có cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về sự đa dạng trong các lựa chọn dịch thuật. Nguồn ngữ liệu được thu thập từ trang chủ của các nhà xuất bản và cơ sở dữ liệu thư viện để đảm bảo tính xác thực.

3. Mô hình sơ đồ hình chữ V đáy phẳng của Newmark

Lịch sử nghiên cứu dịch thuật đã ghi nhận nhiều trường phái lí thuyết với các định hướng khác nhau. Trong đó, trường phái ngôn ngữ học xem dịch thuật là một hoạt động khoa học, tập trung vào việc thiết lập tương đương ở cấp độ từ vựng và cấu trúc với đại diện tiêu biểu như Nida (2012), Catford (2000), ... Tuy nhiên, một hướng tiếp cận mở rộng hơn, với quan điểm cho rằng Dịch thuật cần được xem xét như một hoạt động giao tiếp vượt ra ngoài ranh giới ngôn ngữ. Một trong những học giả có đóng góp quan trọng cho hướng tiếp cận này là Newmark (1988). Trong các công trình nền tảng của mình là *A Textbook of Translation - Giáo trình dịch thuật*, Newmark đã trình bày một lí thuyết toàn diện, nhấn mạnh sự tương tác giữa các yếu tố ngôn ngữ và bối cảnh văn hoá - xã hội. Newmark cho rằng việc đạt được "*hiệu quả tương đương*" tuyệt đối là một ảo tưởng, thay vào đó, vấn đề cốt lõi của dịch thuật là sự giằng co giữa hai cực: một bên là nỗ lực trung thành với văn bản nguồn và một bên là hướng đến độc giả của văn bản đích.

Để hệ thống hoá các lựa chọn phương pháp của dịch giả trong sự giằng co này, Newmark đã phát triển mô hình sơ đồ hình chữ V đáy phẳng với tám phương pháp dịch chia thành hai đường hướng chính (Newmark, 1988:45). *Hướng dịch thiên về ngôn ngữ nguồn* nguồn nhằm tái tạo lại chính xác

nhất ý nghĩa có trong văn bản nguồn bằng những cấu trúc ngữ nghĩa và cấu trúc ngữ pháp gần nhất với văn bản nguồn. Trong khi đó, *hướng dịch thiên về ngôn ngữ đích* sẽ chuyển đổi ngữ pháp, ngữ nghĩa từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích sao cho càng sát văn bản nguồn càng tốt, với mục tiêu hiệu quả có được ở độc giả văn bản đích và văn bản nguồn gần nhau nhất.



Hình 1. Mô hình sơ đồ hình chữ V đáy phẳng của Newmark (1988:45)

Tựa đề là một đơn vị thông tin cô đọng nhưng đòi hỏi giá trị thẩm mĩ cao. Do đó, dịch tựa đề buộc dịch giả phải đưa ra lựa chọn chiến lược rõ ràng, hoặc nghiêng về việc bảo tồn giá trị ngữ nghĩa - thẩm mĩ của văn bản gốc, hoặc ưu tiên sự dễ hiểu và lôi cuốn với độc giả ở ngôn ngữ nguồn. Bằng cách cung cấp một phổ phương pháp dịch từ *Dịch từng từ* đến *Phỏng dịch*, mô hình của Newmark cho phép đo lường và định vị chính xác vị trí của mỗi bản dịch trên trục này, từ đó cung cấp cơ sở định lượng vững chắc để luận giải về các xu hướng dịch thuật. Vì những lí do đó, sơ đồ chữ V đáy phẳng của Newmark là khung lí thuyết phù hợp nhất cho nghiên cứu này.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chủ đạo được áp dụng là phương pháp phân tích và so sánh đối chiếu các đơn vị của ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích để xác định phương pháp dịch tựa đề các tác phẩm văn học Nhật Bản. Quy trình xác định phương pháp dịch được thực hiện một cách có hệ thống qua các bước sau:

(1) Tiến hành đối chiếu và phân tích từng cặp tựa đề tập trung vào sự tương đồng và khác biệt về ngữ nghĩa, cấu trúc, văn phong và hiệu quả biểu đạt giữa nguyên tác và bản dịch. Để tăng cường tính khách quan trong phân loại phương pháp dịch tựa đề theo mô hình Newmark, bài viết đề xuất một ma trận phân tích kết hợp các tiêu chí định lượng và định tính cụ thể như sau:

Bảng 2. Tiêu chí phân loại phương pháp dịch theo mô hình Newmark

Phương pháp dịch	Định lượng	Định tính
Dịch từng từ	Tương ứng từ vựng: Cao Tương ứng cấu trúc: Song song	Chú trọng nghĩa tường minh, bỏ qua nghĩa hàm ẩn
Dịch nguyên văn	Tương ứng từ vựng: Cao Tương ứng cấu trúc: Song song/Biến đổi	Chú trọng nghĩa tường minh
Dịch trung thành	Tương ứng Từ vựng: Cao Tương ứng cấu trúc: Song song/Biến đổi	Chú trọng nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn, hướng về ngôn ngữ nguồn
Dịch ngữ nghĩa	Tương ứng Từ vựng: Cao/Trung bình Tương ứng cấu trúc: Biến đổi	Chú trọng nghĩa hàm ẩn
Dịch truyền đạt	Tương ứng Từ vựng: Trung bình/ Thấp Tương ứng cấu trúc: Biến đổi Tỉ lệ Thêm/Bớt: Trung bình	Chú trọng hiệu quả (tác động lên độc giả ngôn ngữ đích) và Hàm ẩn hướng về ngôn ngữ đích

Phương pháp dịch	Định lượng	Định tính
Dịch thành ngữ - khẩu ngữ	Tương ứng Từ vựng: Thấp Tương ứng cấu trúc: Biến đổi/Không liên quan Tỉ lệ Thêm/Bớt: Trung bình/ Cao	Thay thế bằng thành ngữ, khẩu ngữ trong ngôn ngữ đích, giữ nguyên hàm ẩn nhưng khác nghĩa đen
Dịch tự do	Tương ứng Từ vựng: Thấp Tương ứng cấu trúc: Biến đổi/Không liên quan Tỉ lệ Thêm/Bớt: Cao	Chú trọng hiệu quả. Tái tạo "nội dung" nhưng bỏ "hình thức"
Phỏng dịch	Tương ứng Từ vựng: Thấp/Không Tương ứng cấu trúc: Biến đổi/Không liên quan Tỉ lệ Thêm/Bớt: Cao	Bản địa hoá hoàn toàn. Chỉ giữ lại chủ đề hoặc cốt truyện.

(2) Dựa trên kết quả ở bước 1, đối chiếu với tiêu chí phân loại tại bảng 1, mỗi tựa đề bản dịch được xem xét kĩ lưỡng để đảm bảo phân loại chính xác và nhất quán bằng cách lập phiếu phân tích cho mỗi tựa đề. Nhờ vậy, bài viết đã có được dữ liệu định lượng và lập luận định tính hỗ trợ cho việc phân loại. Ví dụ đối với tựa đề nguyên tác 三四郎 (Sanshiro) và tựa đề dịch *Sanshiro* (Natsume Soseki, 1908, Đỗ Hương Giang dịch: 2024), phiếu phân loại được lập như hình 2.

Tiêu chí phân loại		Phân tích	Kết quả
Định lượng	1. Tương ứng Từ vựng	Văn bản nguồn gồm 3 Hán tự (三: Tam, 四: Tứ, 郎: Lang). Văn bản đích (Sanshiro) không dịch nghĩa của bất kỳ Hán tự nào.	Rất cao
	2. Tương ứng cú pháp	Văn bản nguồn là một danh từ riêng. Văn bản đích là một danh từ riêng.	Song song
	3. Tỷ lệ thêm/bớt	100% ngữ âm của văn bản nguồn được giữ lại thông qua thao tác phiên âm.	Giữ nguyên theo dạng phiên âm
Định tính		Nghĩa tường minh được bảo toàn. bỏ qua nghĩa hàm ẩn (ví dụ: nghĩa chiết tự của các hán tự 三 (ba), 四 (bốn), 郎(chàng trai) hoặc các lớp nghĩa biểu tượng khác).	Chú trọng nghĩa tường minh, bỏ qua nghĩa hàm ẩm
Kết luận: phương pháp dịch được sử dụng là **Dịch từng từ**			

Hình 2. Mẫu phiếu phân tích phương pháp dịch tựa đề theo Newmark

(3) Tổng hợp dữ liệu để tiến hành thống kê tần suất và trình bày dưới dạng bảng biểu, trực quan hoá các xu hướng.

(4) Từ kết quả định lượng, tiến hành luận giải sâu hơn về các xu hướng về các phương pháp dịch thuật phổ biến và ý đồ dịch thuật được phản ánh đằng sau chúng.

5. Kết quả và thảo luận

5.1. Kết quả nghiên cứu

Bài viết đã phân loại, đối chiếu các phương pháp dịch trên ngữ liệu khảo sát gồm 214 tựa đề tác phẩm văn học Nhật Bản được dịch trực tiếp từ tiếng Nhật và 223 tựa đề tiếng Việt tương ứng và thu được kết quả sau:

Bảng 3. Thống kê phương pháp dịch tựa đề văn học Nhật Bản sang tiếng Việt

TT	Phương pháp dịch	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Dịch từng từ	15	6,73
2	Dịch nguyên văn	18	8,07
3	Dịch trung thành	19	8,52
4	Dịch ngữ nghĩa	110	49,33
5	Dịch truyền đạt	41	18,39
6	Dịch thành ngữ - khẩu ngữ	01	0,45
7	Dịch tự do	14	6,28
8	Phỏng dịch	05	2,24
	Tổng cộng	**223**	**100**

Kết quả khảo sát được phân tích theo hai hướng. *Hướng dịch thiên về ngôn ngữ nguồn* gồm *Dịch ngữ nghĩa, Dịch trung thành, Dịch nguyên văn, Dịch từng từ* với tổng 162/223 tựa đề, chiếm một tỉ lệ áp đảo là 72,65%. *Hướng dịch thiên về ngôn ngữ đích* gồm *Dịch truyền đạt, Dịch tự do, Dịch thành ngữ - khẩu ngữ, Phỏng dịch* với tổng cộng có 61/223 tựa đề, chiếm 27,35%.

Kết quả thực chứng cho thấy nhóm phương pháp *hướng dịch thiên về ngôn ngữ nguồn* chiếm ưu thế vượt trội. Trong đó, *Dịch ngữ nghĩa* không chỉ là phương pháp phổ biến nhất mà còn chiếm 110/223 với tỉ lệ 49,33% tổng số ngữ liệu, bỏ xa các phương pháp còn lại. Đáng chú ý, phương pháp *Dịch thành ngữ - khẩu ngữ* gần như không được sử dụng, chỉ chiếm 0,45%.

5.2. Thảo luận

5.2.1. Hướng dịch thiên về ngôn ngữ nguồn

Hướng dịch thiên về ngôn ngữ nguồn là hướng dịch thuật chủ đạo với 72,65%. Từ đó, có thể thấy rằng ưu tiên hàng đầu của dịch giả là bảo toàn và truyền tải một cách trung thực nhất các giá trị ngữ nghĩa, thẩm mĩ và đặc trưng văn hoá của nguyên tác. Cụ thể trong đó, *Dịch ngữ nghĩa* là phương pháp được sử dụng áp đảo nhất, chiếm 49,33%. Theo sau là *Dịch trung thành* với 8,52% và *Dịch nguyên văn* với 8,07%. Phương pháp trung thành cực đoan nhất là *Dịch từng từ* chiếm một tỉ lệ là 6,73%.

(1) Dịch từng từ

Dịch từng từ là phương pháp dịch trực tiếp các đơn vị từ vựng từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích.

Ví dụ 1: *とかげ*(Thằn lằn) → *Thằn lằn* (Yoshimoto Banana, 1993, Nguyễn Phương Chi dịch: 2009)

Ví dụ 2: *三四郎* (Sanshiro)→*Sanshiro* (Natsume Soseki, 1908, Đỗ Hương Giang dịch: 2024)

Trong trường hợp là cụm từ, trật tự từ của văn bản nguồn được giữ nguyên và các từ được dịch riêng lẻ theo nghĩa phổ biến nhất, không đặt trong ngữ cảnh.

Ví dụ 3: *ダンス・ダンス・ダンス* (Nhảy, nhảy, nhảy)→ *Nhảy, nhảy, nhảy* (Murakami Haruki, 1988, Trần Vân Anh dịch: 2021)

Đặc biệt, khi thương hiệu của tác giả như Murakami Haruki, Yoshimoto Banana đã quá lớn mạnh, đến mức bản thân tựa đề gốc đã mang một "vốn văn hoá" đáng kể. Tựa đề lúc này không chỉ là một cái tên mà là một yếu tố then chốt, một mật mã văn hoá mà người hâm mộ tác phẩm và tác gia đó trên toàn thế giới đều nhận ra. Việc dịch sang một cái tên khác sẽ làm suy yếu mối liên kết này và có thể gây khó hiểu cho độc giả. Do đó, dịch giả có thể chọn bảo tồn nguyên dạng bằng thủ pháp phiên âm, thậm chí là sử dụng một từ ngoại lai như ví dụ 4. Trong trường hợp này, việc dịch sát nghĩa gần như một - đối - một so với tựa đề tiếng Nhật không làm mất đi giá trị mà còn giúp giữ lại sự tinh gọn và trực diện của tựa đề trong nguyên tác.

Ví dụ 4: *キッチン*(Kitchen)→*Kitchen* (Yoshimoto Banana, 1988, Lương Việt Dzũng dịch: 2006)

Từ các ví dụ trên có thể thấy, đường hướng dịch này tỏ ra hiệu quả nhất khi tựa đề gốc sử dụng các khái niệm phổ quát, dễ hiểu (ví dụ 1), một danh từ riêng định danh (ví dụ 2), một từ mượn (ví dụ 3) hay các từ văn hoá của nguyên tác (ví dụ 4) cần được bảo tồn nguyên vẹn trong bản dịch. Bản dịch theo phương pháp này mang nhiều đặc điểm của ngôn ngữ nguồn và sát với ngôn ngữ nguồn nhất trong số tám phương pháp.

(2) Dịch nguyên văn

Dịch nguyên văn là phương pháp dịch với cấu trúc ngữ pháp của ngôn ngữ nguồn được chuyển sang ngôn ngữ đích ở dạng gần nhất, nhưng các từ vựng vẫn được dịch riêng lẻ, tách khỏi ngữ cảnh. Trong trường hợp dịch Nhật - Việt, hiệu quả chiến lược được dịch giả phát huy, tận dụng vốn từ vựng Hán - Việt để sao phỏng các danh từ ghép gốc Hán trong nguyên tác.

Ví dụ 5: *氷点* (Băng điểm) → *Băng điểm* (Miura Ayako, 1993, Ái Tiên dịch: 2024)

Ví dụ 6: *明暗* (Minh ám) → *Minh ám* (Natsume Soseki, 1916, Uyên thiềm dịch: 2024)

Dịch giả không dịch nghĩa của từ sang từ thuần Việt mà chuyển từng thành tố trong danh từ ghép đó sang âm Hán - Việt tương ứng. Lối dịch sao phỏng như vậy đặc biệt hữu ích khi dịch từ ghép hoặc tên riêng có cấu tạo rõ ràng giữa hai ngôn ngữ có chung nguồn gốc từ vựng như tiếng Nhật và tiếng Việt. Cách tiếp cận này vừa giữ được hình thức nguyên tác ở dạng gần nhất, vừa tạo ra một tựa đề quen thuộc và dễ nhận biết đối với độc giả Việt Nam vốn quen thuộc với từ vựng Hán - Việt.

(3) Dịch trung thành

Dịch trung thành là phương pháp dịch mà người dịch cố gắng chuyển dịch ý nghĩa văn cảnh của nguyên tác sang bản dịch một cách chính xác trong khi vẫn bị hạn chế bởi các cấu trúc ngữ pháp của vựng từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích. Về hình thức, bản dịch vẫn chứa đựng cấu trúc ngữ pháp của văn bản nguồn. Các từ văn hoá được giữ nguyên từ văn bản nguồn sang văn bản đích. Khác với việc sao phỏng âm Hán - Việt, phương pháp này tập trung vào việc dịch nghĩa của từng thành tố, nhưng vẫn giữ nguyên cấu trúc tổng thể của tựa đề gốc.

Ví dụ 7: *千羽鶴* (Thiên vũ hạc)→ *Ngàn cánh hạc* (Natsume Soseki, 1905, An Nhiên dịch: 2020)

Dịch giả đã không chọn cách sao phỏng Hán - Việt thành *Thiên vũ hạc*. Thay vào đó, dịch giả chọn dịch trung thành theo nghĩa của từng chữ Hán (千 → *Ngàn*, 羽 → *cánh*, 鶴 → *hạc*) và ghép chúng lại theo đúng cấu trúc danh từ ghép của nguyên tác. Kết quả là một tựa đề vừa chính xác về ngữ nghĩa, vừa giữ được sự cô đọng và hình ảnh thơ mộng của nguyên tác, đồng thời lại gần gũi với độc giả Việt Nam hơn so với một cụm từ Hán - Việt thuần túy. Cách tiếp cận này thể hiện "*cố gắng hoàn toàn trung thành với ý định và cách thể hiện văn bản của tác giả gốc*", là một ví dụ điển hình của *Dịch trung thành*.

(4) Dịch ngữ nghĩa

Dịch ngữ nghĩa là phương pháp dịch chủ đạo được sử dụng với 110/223 tựa đề. Đây được xem là chiến lược được dịch giả Việt Nam ưa chuộng nhất, vừa tôn trọng văn bản nguồn, vừa tạo ra một tựa đề hấp dẫn hơn cho độc giả văn bản đích. Với *Dịch ngữ nghĩa,* người dịch diễn đạt lại cấu trúc ngữ pháp và các nét nghĩa của nguyên tác tạo nên giá trị thẩm mĩ bản dịch ở dạng gần nhất. Bản dịch "*chấp nhận những sáng tạo của người dịch hơn so với sự trung thành 100% và cho phép sự đồng cảm trực quan của dịch giả với bản gốc hơn*", do đó, mượt mà hơn, ít lệ thuộc vào các quy tắc ngữ pháp của nguyên tác hơn (Newmark, 1988: 46).

Ví dụ 9: *真夏の死* (cái chết chính hạ)→*Chết giữa mùa hè* (Mishima Yukio, 1996, Nguyễn Nam Trân dịch: 2020)

Chết giữa mùa hè là bản dịch tựa đề thành công bằng phương pháp *Dịch ngữ nghĩa*. Thay vì *Dịch trung thành* thành *Cái chết chính hạ,* dịch giả đã chuyển điệu danh từ *cái chết* thành động từ *chết* và diễn đạt lại cấu trúc ngữ pháp. Bản dịch làm nổi bật sự đối lập giữa sự sống rực rỡ (mùa hè) và cái chết bất ngờ, nghịch lí, khơi gợi sự tò mò và suy ngẫm về tác phẩm. Nhờ tính tự nhiên, gợi hình, tựa đề trở nên dễ tiếp nhận, gợi mở về sự giằng xé giữa sống và chết trong một bối cảnh đặc biệt.

Newmark (1988) khẳng định rằng *Dịch ngữ nghĩa*, dù linh hoạt, vẫn phải "*trung thành với tác giả*". Do đó, đối với các từ văn hoá ít quan trọng hơn, dịch giả có thể dịch bằng các thuật ngữ trung lập về văn hoá hoặc thuật ngữ chức năng, nhưng không phải bằng các từ tương đương văn hoá.

Ví dụ 10: *吾輩は猫である*→ *Tôi là mèo* (Natsume Soseki, 1905, Bùi Thị Loan dịch: 2006)

Xét về mặt tương ứng từ vựng có thể xếp tựa đề dịch này vào loại tương ứng cao nhưng điểm mấu chốt nằm ở từ 吾輩 - wagahai được dịch bằng *Tôi*. Cách dịch *Tôi* tuy tương ứng về chức năng không tương ứng về sắc thái. 吾輩 - wagahai là đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số ít, mang sắc thái cổ kính trong văn phong trang trọng, thường được sử dụng bởi người có địa vị cao, đôi khi ẩn chứa sự sự

kiêu hãnh, tự cao. Việc con mèo tự xưng 吾輩 - wagahai trong tác phẩm tạo nên hiệu ứng trào phúng độc đáo, thể hiện góc nhìn khác lạ của nhân vật. Trái lại, đại từ *Tôi* trong bản dịch tiếng Việt là đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số ít, trung tính, không có sắc thái trang trọng hay cổ kính như 吾輩 - wagahai. Nếu dịch giả chú trọng nghĩa đen, sử dụng phương *Dịch từng từ*, dịch giả có thể phải dùng đại từ *ta* dịch thành "*Ta đây là mèo*" hoặc sử dụng các từ Hán Việt tương đương văn hoá như *bổn tiên sinh* mà dịch thành "*Bổn tiên sinh đây là mèo*". Tuy vậy, việc dịch như vậy vô hình trung khiến tựa đề trở nên nặng nề khó tiếp nhận đối với độc giả tiếng Việt hiện đại. Do đó, dịch giả đã đưa ra một lựa chọn: ưu tiên tính tự nhiên trong tiếng Việt bằng cách chọn từ *Tôi* trung tính. Hành động nhận diện được nghĩa hàm ẩn là sự kiêu kì của chú mèo, nhưng chủ động làm mềm, lược bỏ nó để ưu tiên sự trôi chảy, tính thẩm mĩ cho văn bản đích, chính là đặc điểm của *Dịch ngữ nghĩa.*

5.2.2. Hướng dịch thiên về ngôn ngữ đích

Hướng dịch thiên về ngôn ngữ đích gồm *Dịch truyền đạt, Dịch thành ngữ - khẩu ngữ, Dịch tự do* và *Phỏng dịch* chiếm 27,35%. Con số này cho thấy rằng chúng là những lựa chọn mang tính chủ đích như một chiến lược điều chỉnh để đạt được "hiệu quả giao tiếp" với độc giả ở ngôn ngữ và văn hoá đích khi cần thiết, nhằm đảm bảo bản dịch tựa đề không trở nên quá xa lạ với độc giả Việt khi cần thiết.

(5) Dịch truyền đạt

Dịch truyền đạt là phương pháp dịch thuật ưu tiên việc truyền tải chính xác ý nghĩa theo ngữ cảnh của nguyên tác theo một cách tự nhiên, dễ hiểu và dễ chấp nhận nhất đối với độc giả ở ngôn ngữ đích. Khác với *Dịch ngữ nghĩa* vẫn trung thành với nghĩa biểu hiện của nguyên tác, *Dịch truyền đạt* tập trung vào việc tái tạo "giá trị thông báo" tổng thể. Điều này có nghĩa là các từ văn hoá đặc thù của ngôn ngữ nguồn được thay thế bằng từ văn hoá tương đương trong ngôn ngữ đích để đảm bảo tính thông suốt của thông điệp, đáp ứng mục tiêu chính là đảm bảo "hiệu quả giao tiếp".

Trong phạm vi ngữ liệu khảo sát, *Dịch truyền đạt* là chiến lược được sử dụng nhiều nhất trong nhóm phương pháp *hướng dịch thiên về ngôn ngữ đích* với tỉ lệ 18,39% và xếp thứ 2 trong tám phương pháp dịch.

Ví dụ 11: *伊豆の踊り子* (Vũ nữ của Izu)→ *Cô đào miền Izu* (Kawabata Yasunari, 1926, Nguyễn Nam Trân dịch: 2023)

踊り子 - odoriko là một khái niệm văn hoá Nhật Bản chỉ các vũ công nữ nhảy các điệu múa truyền thống như Bon. Thay vì dùng từ *vũ nữ* hay chuyển giao nguyên dạng phiên âm odoriko, dịch giả đã chọn từ *cô đào*. Bởi *vũ nữ* trong xã hội Việt Nam thường bị gắn với những định kiến tiêu cực. Trong khi đó, *cô đào* là một hình tượng văn hoá thân thuộc, chỉ các nữ nghệ sĩ trong các loại hình sân khấu truyền thống như hát tuồng, cải lương. Theo Newmark, *Dịch truyền đạt* là "*cố gắng truyền tải ý nghĩa ngữ cảnh chính xác của bản gốc theo cách mà cả nội dung và ngôn ngữ đều dễ dàng được chấp nhận và dễ hiểu đối với độc giả*" (Newmark, 1988:47). Lựa chọn của dịch giả hoàn toàn tuân thủ nguyên tắc này, ngay lập tức tạo ra một kết nối cảm xúc nơi độc giả mà không đòi hỏi họ phải có kiến thức nền về văn hoá Nhật.

(6) Dịch thành ngữ - khẩu ngữ

Dịch thành ngữ - khẩu ngữ là phương pháp dịch diễn đạt những thông tin bình thường trong ngôn ngữ nguồn thành thông tin mang tính thành ngữ hoặc khẩu ngữ ở ngôn ngữ đích. Theo đó, văn bản dịch có chứa các cách nói khẩu ngữ hoặc thành ngữ mà nguyên tác không có. Văn bản dịch lúc này sinh động, tự nhiên và gần gũi với người đọc ở ngôn ngữ đích. Trong 223 tựa đề được khảo sát, bài viết chỉ tìm thấy duy nhất một tựa đề tiếng Việt được dịch bằng phương pháp này.

Ví dụ 12: *置かれた場所で咲きなさい。* (Hãy nở hoa ở nơi bạn được đặt vào) → *Đời Bạn, Bạn Không Sống, Ai Sống Hộ?* (Watanabe Kazuko, 2012, Nguyễn Thu Trang dịch: 2019)

Tựa đề nguyên tác là một ẩn dụ mang tính chiêm nghiệm và triết lí, khuyên răn con người về sự kiên nhẫn và khả năng thích ứng. Tuy nhiên, dịch giả đã chọn biến nó thành một bản dịch chứa cách nói khẩu ngữ mà nguyên tác không có: *Đời Bạn, Bạn Không Sống, Ai Sống Hộ?*. Tựa đề dịch là một câu hỏi tu từ mạnh mẽ, mang tính thúc giục. Đó không còn là một lời khuyên nhẹ nhàng mà là một cú huých tinh thần. Ngôn ngữ này hoàn toàn phù hợp với thể loại phát triển bản thân hiện đại, vốn ưa chuộng thông điệp mạnh mẽ, trực diện. Bằng cách thay đổi tựa đề, dịch giả đã chuyển bản sắc của cuốn sách từ một tản văn sang một cẩm nang sống, nâng cao tiềm năng thương mại cho tác phẩm.

(7) Dịch tự do

Với *Dịch tự do,* dịch giả chỉ đặt mục đích truyền tải nội dung chính của văn bản nguồn sang văn bản đích mà không quan tâm đến các chi tiết ràng buộc về hình thức và ngôn ngữ của văn bản nguồn. Theo Newmark, *Dịch tự do* là phương pháp "*tái tạo thông điệp mà không cần quan tâm đến hình thức của bản gốc*" (Newmark, 1988:48). Dịch giả Hoàng Long đã áp dụng triệt để nguyên tắc này trong tựa đề sau.

Ví dụ 13: *朝が来る* (Buổi sáng đến) → *Bình minh của cuộc đời* (Tsujimura Mizuki, 2016, Mai Khanh dịch: 2019)

Tựa đề gốc có nghĩa đen là *Bình minh đến* hoặc *Trời sáng,* một cách diễn đạt cụ thể, trực quan, gợi lên sự khởi đầu của một ngày mới. Tuy nhiên, bản dịch *Bình minh của cuộc đời* đã giải phóng bản dịch khỏi sự ràng buộc về hình thức và nghĩa hàm ẩn của văn bản nguồn với tiêu chí tương ứng từ vựng thấp, tương ứng cấu trúc biến đổi với tỉ lệ thêm/bớt cao, loại bỏ nghĩa tường minh, tái tạo "nội dung". Bằng cách thêm vào cụm từ *của cuộc đời*, dịch giả đã biến một câu thành một cụm danh từ, biến một hình ảnh cụ thể thành một khái niệm trừu tượng. Tựa đề không còn mang tính miêu tả mà trở thành một ẩn dụ, tóm lược chủ đề của tác phẩm về sự hi vọng và sự khởi đầu lại sau những biến cố. Trường hợp này là một minh chứng rằng đối với một số tác phẩm nhất định, một bản dịch thành công là bản dịch chuyển ngữ được "*hồn"* của nguyên tác, chứ không chỉ là từ ngữ.

(8) Phỏng dịch

Phỏng dịch là phương pháp dịch tự do nhất, trong đó chỉ dịch những yếu tố cốt lõi như chủ đề, bối cảnh hoặc nhân vật của nguyên tác để tạo ra bản dịch theo cách riêng của mình. Đây thực chất là một hình thức "*viết lại*", trong đó văn hoá nguồn cũng được chuyển sang văn hoá đích. Trong ngữ liệu khảo sát, có 05/223 tựa đề đã được phỏng dịch và ví dụ sau có lẽ là trường hợp *phỏng dịch* triệt để nhất.

Ví dụ 14: *万延元年のフットボール* (Trận bầu dục năm Vạn Diên thứ nhất) → *Tiếng thét câm lặng* (Oe Kenzaburo, 1967, Vương Hải Yến dịch: 2022)

Tựa đề gốc giúp định vị câu chuyện trong bối cảnh chính xác về thời gian nhưng gây xa lạ với độc giả Việt Nam, vốn không hiểu về niên hiệu các triều đại Thiên Hoàng. Nhận thấy điều này, dịch giả đã đưa ra một quyết định táo bạo: loại bỏ hoàn toàn "vỏ" nội dung của tựa đề gốc và thay thế bằng một tựa đề hoàn toàn mới. *Tiếng thét câm lặng* không mô tả bất kì sự kiện nào trong truyện, mà nắm bắt chính xác trạng thái tâm lí của các nhân vật: sự đau đớn, nỗi thống khổ và sự phản kháng không thể cất thành lời, sự ngột ngạt của con người thời kì chính trị xã hội biến động. Tựa đề thành công trong việc truyền tải được chiều sâu của tác phẩm. Bản dịch này minh chứng rằng một lựa chọn hướng về ngôn ngữ đích đôi khi lại là con đường "tối ưu" để đạt đến sự "trung thành" ở một tầng mức cao hơn.

Tuy nhiên, *phỏng dịch* đòi hỏi người dịch phải có sự thận trọng và khả năng làm chủ ngôn ngữ đích. Nếu không, việc sao phỏng có thể tạo ra những lối diễn đạt lai căng, gượng gạo, thiếu tự nhiên và không phù hợp với văn hoá đích.

6. Kết luận

Kết quả nghiên cứu khẳng định thực tiễn dịch thuật tại Việt Nam được định hình bởi một khuynh hướng chủ đạo là tôn trọng, bảo toàn ý nghĩa của nguyên tác. Nhóm các phương pháp thuộc *hướng*

dịch thiên ngôn ngữ nguồn (bao gồm *Dịch ngữ nghĩa, Dịch trung thành, Dịch nguyên văn, Dịch từng từ*) chiếm một tỉ lệ áp đảo là 72,65%. Con số này thể hiện mạnh mẽ ý thức "trung thành" nguyên tác của dịch giả trong vai trò là một trung gian văn hoá, phản ánh đúng kì vọng của độc giả Việt Nam về việc tiếp cận những giá trị của văn học Nhật Bản một cách chân thực nhất. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng "trung thành" không phải là một sự tuân thủ cứng nhắc, vô điều kiện. Sự hiện diện đáng kể của phương pháp *Dịch truyền đạt* (18,39%) cho thấy một chiến lược kép: vừa trung thành với nguyên tác, vừa tối ưu hoá hiệu quả giao tiếp với độc giả đích. Cuối cùng, sự hiếm hoi của các phương pháp như *Dịch thành ngữ - khẩu ngữ* (0,45%), *Dịch tự do* (6,28%) và *Phỏng dịch* (2,24%) càng củng cố thêm nhận định về ý thức chủ động tránh "bản địa hoá" hoàn toàn để không làm mất đi bản sắc văn hoá Nhật Bản mà độc giả tìm kiếm. Dẫu vậy, điều này cũng cho thấy rằng sự lựa chọn giữa *hướng dịch thiên về ngôn ngữ nguồn* hay *hướng dịch thiên về ngôn ngữ đích* phụ thuộc vào bản chất của từng tựa đề cụ thể. Mặc dù xu hướng thiên về ngôn ngữ nguồn là chủ đạo, việc duy trì sự trung thành tuyệt đối có thể trở nên bất khả thi khi đối mặt với những tựa đề mang tính triết lí sâu sắc hoặc gắn liền với các khái niệm văn hoá đặc thù. Khi đó, các phương pháp thuộc *hướng dịch thiên về ngôn ngữ đích* như *Dịch tự do* hay *Phỏng dịch* sẽ là công cụ đắc lực, giúp tái tạo "nội dung" thay vì chỉ "trung thành" với "hình thức" của nguyên tác.

Từ những phân tích trên, bài viết đề xuất một khuyến nghị mang tính định hướng cho dịch giả Nhật - Việt rằng việc chuyển ngữ tựa đề cần được tiếp cận một cách linh hoạt, hài hoà hai hướng dịch thiên về ngôn ngữ nguồn hay ngôn ngữ đích. Sự kết hợp này cho phép vừa bảo toàn được giá trị nghệ thuật cốt lõi của nguyên tác, vừa tạo ra một tựa đề có sức hấp dẫn, đảm bảo hiệu quả tiếp nhận tối ưu, tùy thuộc vào đặc thù thể loại, đối tượng công chúng và mục tiêu của mỗi dự án dịch thuật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nhật Chiêu. (2000). *Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868*. NXB Giáo dục.
2. Đoàn Lê Giang, Nhật Chiêu, Trần Thị Phương Phương. (2013). *Văn học Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh Đông Nam Á*. NXB Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh.
3. Vũ Thị Mỹ Hạnh. (2019). *Tổng quan văn học Nhật Bản ở Việt Nam trước và sau Đổi mới*. Thông tin Khoa học xã hội, (9), 30 - 36.
4. Ngô Minh Thủy và cộng sự. (2022). *Tổng quan về tình hình tiếp nhận văn học Nhật Bản tại Việt Nam và một số kì vọng cho sự phát triển* trong *Văn học Nhật Bản và sự tiếp nhận văn học Nhật Bản tại Việt Nam.* XB Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Nguyễn Nam Trân. (2011). *Tổng quan lịch sử văn học Nhật Bản.* NXB Giáo dục Việt Nam.
6. Nguyễn Thị Thanh Xuân. (2008). *Vấn đề giao lưu và tiếp biến văn hoá trong văn học Nhật Bản thời Minh Trị.* Luận án tiến sĩ. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Tiếng nước ngoài

7. Catford, J. C. (2000). Original work published 1965. *Translation shifts.* In L. Venuti (Ed.). *The translation studies reader* (1st ed., pp. 141 - 147). Routledge.
8. Nida, E. A. (2012). Original work published 1964. *Principles of correspondence.* In L. Venuti (Ed.). *The translation studies reader* (3rd ed., pp. 141 - 155). Routledge.
9. ブイフン マィン. (2014). 徳永光展.翻訳における質の批評—夏目漱石 『心』 のベトナム語版を例として—. *総研大文化科学研究* (10), 155 - 234. (Bùi Hùng Mạnh & Tokunaga Mitsuhiro. *Đánh giá chất lượng dịch thuật - Phân tích ví dụ với bản dịch tiếng Việt tác phẩm "Nỗi lòng" của Natsume Soseki.* Tạp chí Nghiên cứu Khoa học - Văn hoá Soukendai (10), 155 - 234, 2014.
10. Newmark P. (1988). *A textbook of translation.* Prentice Hall.
11. Nguyen Thanh Tam. (2013). ベトナムにおける日本文学の重訳—歴史的背景と異文化要素の翻訳—. 通訳翻訳研究 13, 79 - 95. (Nguyễn Thanh Tâm. *Vấn đề dịch trung gian văn học Nhật Bản tại Việt Nam - Bối cảnh lịch sử và việc dịch các yếu tố dị văn hoá.* Nghiên cứu biên phiên dịch số 13, 79 - 95, 2013).